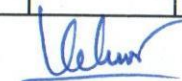


KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 - NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số. 15 /NQ-HĐND, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Ea H'Leo)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Văn bản quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Nhu cầu bố trí vốn năm 2023 trở đi	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện				NQ 22 (NST BSMT)	Thu tiền SD đất	
	TỔNG SỐ		162.131	161.950	59.432	106.318	39.400	7.400	32.000	
A	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH		36.850	36.850	27.052	9.798	9.098	3.800	5.298	
I	Các dự án thành toán nợ		0	0	0	0	0	0	0	
II	Các dự án hoàn thành khối lượng		36.850	36.850	27.052	9.798	9.098	3.800	5.298	
1	Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Ea H'Leo	1727/UBND-TNMT, ngày 11/8/2020	2.950	2.950	2.310	640	640		640	
2	Xây dựng CSVC trường mầm non và Trường chuẩn Quốc gia, CSVC trường học		25.400	25.400	18.332	7.068	6.368	3.800	2.568	
2.1	Xây dựng cơ sở vật chất mầm non		6.800	6.800	4.200	2.600	1.900	800	1.100	
2.1.1	Trường MG Ea Tir; HM: Nhà lớp học 03 phòng, bếp ăn, hạ tầng kỹ thuật (vị trí mới), gồm:		5.000	5.000	2.800	2.200	1.500	600	900	
	- Nhà lớp học 3p, bếp ăn, giếng nước (gđ 1)	1878/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	3.300	3.300	2.800	500	500		500	
	- Sân bê tông, cổng, hàng rào và hạ tầng kỹ thuật khác (Gđ2)	2086/UBND-TCKH ngày 27/9/2022	1.700	1.700	0	1.700	1.000	600	400	
2.1.2	Trường MG Ea Wy; HM: Nhà lớp học 04 phòng (phân hiệu)	1877/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.800	1.800	1.400	400	400	200	200	
2.2	Hỗ trợ XD trường đạt chuẩn Quốc gia, CSVC trường học		18.600	18.600	14.132	4.468	4.468	3.000	1.468	



STT	Danh mục dự án	Văn bản quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Nhu cầu bố trí vốn năm 2023 trở đi	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện				NQ 22 (NST BSMT)	Thu tiền SD đất	
2.2.1	Trường TH Nguyễn Huệ; HM: Nhà lớp học 06p-02T	1628/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	3.100	3.100	2.352	748	748	500	248	
2.2.2	Trường TH Lê Lai; HM: Nhà lớp học 06p-02T	1865/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	3.100	3.100	2.362	738	738	500	238	
2.2.3	Trường TH Nơ Trang Gùh; HM: Nhà lớp học 06p-02T	1862/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	3.100	3.100	2.362	738	738	500	238	
2.2.4	Trường THCS Lê Quý Đôn; HM: Nhà lớp học 06p, 02T	1870/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	3.100	3.100	2.352	748	748	500	248	
2.2.5	Trường TH Nguyễn Khuyến; HM: Nhà lớp học 06p-02T	1863/QĐ-UBND ngày 23/6/2021	3.100	3.100	2.352	748	748	500	248	
2.2.6	Trường TH Nguyễn Trường Tộ; HM: Nhà lớp học 6p-2T	3113/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	3.100	3.100	2.352	748	748	500	248	
3	Giao thông và hạ tầng kỹ thuật		8.500	8.500	6.410	2.090	2.090	0	2.090	
3.1	Trụ sở làm việc Huyện ủy (nâng cấp một số hạng mục)	1876/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.500	1.500	1.350	150	150		150	
3.2	Trụ sở làm việc HĐND & UBND huyện (Nhà công vụ và sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục nhà làm việc Liên cơ quan 03 tầng)	3042/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	1.500	1.500	1.150	350	350		350	
3.3	Nâng cấp, thảm nhựa đường Trần Quốc Toản, thị trấn Ea Drăng	1892/QĐ-UBND; ngày 02/7/2021	5.500	5.500	3.910	1.590	1.590		1.590	
B	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP		14.881	14.700	5.350	9.350	7.350	1.500	5.850	
1	Bố trí đối ứng xây dựng Hội trường Công an huyện theo cam kết (phần còn lại)	34/NQ-HĐND ngày 24/12/2021	2.500	2.500	1.000	1.500	1.500		1.500	
2	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã (05 xã)		1.681	1.500	650	850	850	0	850	

STT	Danh mục dự án	Văn bản quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Nhu cầu bố trí vốn năm 2023 trở đi	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện				NQ 22 (NST BSMT)	Thu tiền SD đất	
2.1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2035	Số 35 /NQ-HĐND; ngày 24 /12/2021	324	300	130	170	170		170	
2.2	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2035	Số 35 /NQ-HĐND; ngày 24 /12/2021	427	300	130	170	170		170	
2.3	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Tir, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2035	Số 35 /NQ-HĐND; ngày 24 /12/2021	300	300	130	170	170		170	
2.4	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Cư A Mung, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2035	Số 35 /NQ-HĐND; ngày 24 /12/2021	300	300	130	170	170		170	
2.5	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2035	Số 35 /NQ-HĐND; ngày 24 /12/2021	330	300	130	170	170		170	
3	Xây dựng CSVC trường mầm non và Trường chuẩn Quốc gia, CSVC trường học		6.900	6.900	3.100	3.800	2.800	1.500	1.300	
3.1	Xây dựng cơ sở vật chất mầm non		1.800	1.800	600	1.200	600	400	200	
3.1.1	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (tại vị trí trụ sở HĐND&UBND xã Ea Khăl cũ), xã Ea Khăl, huyện Ea H'Leo; HM: Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc thành phòng học và Nhà hiệu bộ	1636/UBND-TH; ngày 26/02/2021	1.800	1.800	600	1.200	600	400	200	
3.2	Hỗ trợ XD trường đạt chuẩn Quốc gia, CSVC trường học		5.100	5.100	2.500	2.600	2.200	1.100	1.100	
3.2.1	Trường TH Ea Tir, xã Ea Tir, huyện Ea H'Leo; HM: Nhà hiệu bộ, hàng rào (tại vị trí trung tâm xã)	1636/UBND-TH; ngày 26/02/2021	2.000	2.000	1.000	1.000	1.000	300	700	
3.2.2	Trường TH Lê Đình Chinh, xã Cư A Mung, huyện Ea H'Leo; HM: Nhà lớp học 06P-2T	1636/UBND-TH; ngày 26/02/2021	3.100	3.100	1.500	1.600	1.200	800	400	
4	Giao thông và hạ tầng kỹ thuật		6.300	6.300	1.600	4.700	3.700	0	3.700	

STT	Danh mục dự án	Văn bản quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Nhu cầu bố trí vốn năm 2023 trở đi	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện				NQ 22 (NST BSMT)	Thu tiền SD đất	
4.1	Hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Lý Tự Trọng, thị trấn Ea Drăng; HM: Hệ thống thoát nước, vỉa hè và thảm bê tông nhựa tăng cường	2644/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	4.500	4.500	1.000	3.500	2.500		2.500	
4.2	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Trỗi theo quy hoạch chung thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo; Hạng mục: Nền, móng, mặt đường, lề đường và HTTN	2192/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	1.800	1.800	600	1.200	1.200		1.200	
C	CÁC DỰ ÁN MỞ MỚI		110.400	110.400	27.030	87.170	22.952	2.100	20.852	
I	Đổi ứng các Chương trình MTQG mở mới 2022-2023	34/NQ-HĐND ngày 24/12/2021	22.600	22.600	12.350	10.250	5.000		5.000	
II	Đổi ứng thực hiện các dự án ĐTC trung hạn GD 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh mở mới 2023	34/NQ-HĐND ngày 24/12/2021	18.400	18.400	4.680	13.720	3.452		3.452	
IV	Bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án; trả nợ quỹ đất tỉnh	34/NQ-HĐND ngày 24/12/2021	20.000	20.000	10.000	10.000	4.000		4.000	
V	Các dự án mở mới khác		49.400	49.400	0	53.200	10.500	2.100	8.400	
1	Xây dựng CSVC trường mầm non và Trường chuẩn Quốc gia, CSVC trường học		18.400	18.400	0	22.200	5.700	2.100	3.600	
1.1	Xây dựng cơ sở vật chất mầm non		0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Hỗ trợ XD trường đạt chuẩn Quốc gia, CSVC trường học		18.400	18.400	0	22.200	5.700	2.100	3.600	
1.2.1	Trường TH Ea Sol; HM: Nhà lớp học 5 phòng	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	2.600	2.600		2.600	850	350	500	
1.2.2	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc HM: Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	4.400	4.400		4.400	1.250	350	900	
1.2.3	Trường TH Ea Hiao HM: Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	3.800	3.800		3.800	900	350	550	

STT	Danh mục dự án	Văn bản quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Nhu cầu bố trí vốn năm 2023 trở đi	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS huyện				NQ 22 (NST BSMT)	Thu tiền SD đất	
1.2.4	Trường TH Cư K'Tây HM: Nhà lớp học 6 phòng, 2 tầng	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	3.800	3.800		3.800	900	350	550	
1.2.5	Trường TH Lê Văn Tám HM: Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	3.800	3.800		3.800	900	350	550	
1.2.6	Trường TH Lê Duẩn HM: Nhà lớp học 6 phòng, 2 tầng	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	3.800	3.800		3.800	900	350	550	
2	Giao thông và hạ tầng kỹ thuật		31.000	31.000	0	31.000	4.800	0	4.800	
2.2	Nhà thi đấu đa năng huyện Ea H'Leo; HM: Nhà thi đấu và hạ tầng kỹ thuật khác	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	20.000	20.000		20.000	2.500		2.500	
2.3	Tượng đài Chiến thắng Cẩm Ga - Thuận Mẫn; HM: Tượng đài, tường phù điêu; Phù điêu; Cổng, hàng rào, nhà vệ sinh, đài nước, sân đường nội bộ; Cây xanh cảnh quan	12/NQ-HĐND; ngày 28/12/2022	11.000	11.000		11.000	2.300		2.300	

